TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG HÒA** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
ngày 20/01/2021
V/v yêu cầu ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nông Thanh Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: ông Mã Văn Báo và ông Bế Ích Hòa

Thư ký phiên tòa: ông Hoàng Quốc Khánh - Thư ký TAND huyện Quảng Hòa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: bà Chung Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc: "Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: **Sầm Thị U** - sinh năm 1989

Địa chỉ: xóm T xã P huyện Q tỉnh Cao Bằng.

Có mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn: **Lý Văn B** - sinh năm 1979

Địa chỉ: xóm T xã P huyện Q tỉnh Cao Bằng.

Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2020, trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Sầm Thị U trình bày:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sầm Thị U kết hôn với anh Lý Văn B trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 27/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Phi Hải huyện Quảng Uyên (nay là huyện Quảng Hòa). Sau khi cưới cả hai vợ chồng chung sống một nhà ở xóm Thạch Bình xã Phi Hải huyện Quảng Hòa. Trong quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu

thuẫn là do anh B mắc nghiện ma túy (đã có danh sách quản lý ở Công an xã Phi Hải), mặc dù đã khuyên bảo nhưng anh B không nghe và luôn có những tin nhắn dọa nạt từ khi chị U đi công ty làm việc. Vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành cho nên đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Nay chị U xác định tình cảm vợ chồng không còn, mẫu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên yêu cầu ly hôn anh Lý Văn B.

[1.2] Về con chung: Có 01 con chung là Lý V – sinh ngày 05 tháng 01 năm 2009. Hiện nay cháu đang ở với chị U. Trường hợp ly hôn chị U yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

[1.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để lấy lời khai nhưng anh Lý Văn B không đến tham gia tố tụng. Căn cứ đơn yêu cầu của chị U, Tòa án đã đến Ủy ban nhân dân xã Phi Hải để tiến hành lấy lời khai, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải vào ngày 23/12/2020. Trong biên bản lấy lời khai thể hiện: anh B xác nhận vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân từ 2018 nhưng anh không nhất trí ly hôn, nếu phải ly hôn anh là người trực tiếp nuôi con, tuy nhiên anh B không đưa ra được các biện pháp để hàn gắn trong thời gian vợ chồng sống ly thân. Về con chung anh B cũng không có khả năng nuôi vì thực tế từ trước khi chị U đón con về nuôi dưỡng thì cháu Lý V được bác ruột (anh trai của Lý Văn B) nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là ly hôn với anh Lý Văn B, yêu cầu được nuôi con chung là Lý V – sinh ngày 05 tháng 01 năm 2009 và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa hôm nay anh Lý Văn B tiếp tục vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt, điều đó thể hiện anh B đã tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không quan tâm và không cần có ý kiến việc chị U yêu cầu ly hôn và nuôi con chung, vì vậy Tòa án sẽ xét xử vắng mặt anh B theo quy định của pháp luật.

[4] Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong vụ án này những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Tại phiên tòa, qua các tài liệu chứng cứ và lời khai của nguyên đơn Sầm Thị U cho thấy anh Lý Văn B nghiện ma túy là nguyên nhân dẫn tới vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, anh B không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha, làm cho mục đích hôn nhân của chị U không đạt được, do đó các yêu cầu của chị U là có căn cứ.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, Điều 244 của Bộ luật tố tụndân sự 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội để xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của chị Sầm Thị U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Sầm Thị U kết hôn với anh Lý Văn B trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 27/4/2009 tại UBND xã Phi Hải. Trong quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 01 con chung tên là Lý V sinh năm 2009 đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh Lý Văn B sử dụng và nghiện ma túy, mặc dù đã được gia đình vận động đi cai nghiện nhưng anh Bao không nghe. Vì nghiện ma túy nên, anh B thường xuyên chửi bới, đe dọa chị U nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh B không quan tâm đến vợ, con cũng như không có biện pháp để hàn gắn vợ chồng đoàn tụ.

Việc anh B nghiện chất ma túy, không có thu nhập để đảm bảo cuộc sống hạnh phúc gia đình là nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, khiên cho đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018, mục đích hôn nhân không đạt được, đều phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà chị U đã nộp cho Tòa án và các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Sầm Thị U là có căn cứ để chấp nhận theo Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy anh B nghiện ma túy, không có thu nhập. Còn chị U đang làm công việc có thu nhập ổn định hàng tháng là 05 triệu đồng và hiện nay cháu Lý V đang được chị U trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Vì vậy chị U đủ điều kiện thuận lợi hơn anh B để trực tiếp nuôi con chung, chị U tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ thực tế.

[3] Về tài sản chung, vay nợ chung của vợ chồng: chị U và anh B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án, nay xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Sầm Thị U đối với anh Lý Văn B.

[2] Về con chung: giao cháu Lý V – sinh ngày 05 tháng 01 năm 2009 cho chị Sầm Thị U là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Sầm Thị U tự nguyện không yêu cầu anh Lý Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, thay đổi mức và hình thức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: chị Sầm Thị U phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0000990 ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị U đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện;*
- *CCTHADS huyện;*
- *UBND xã Phi Hải;*
- *Lưu HSVA.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Điệp